

DANH MỤC KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, GIẢI PHÁP VÀ KHỐI LƯỢNG/ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU	KINH PHÍ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (NĂM)	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		50.055.000.000				
I	Bảo dưỡng và vận hành		0				
I.1	Bảo dưỡng						
I.2	Vận hành, khai thác						
II	Sửa chữa định kỳ		47.655.000.000				
A	Công trình chuyển tiếp		3.765.206.660				
B	Công trình mới		43.889.793.340				
III	Sửa chữa đột xuất		2.100.000.000				
IV	Công tác khác		300.000.000				
	CHI TIẾT						
I	Bảo dưỡng và vận hành						
II	Sửa chữa định kỳ		47.655.000.000				
A	Công trình chuyển tiếp		3.765.206.660				
1	Sửa chữa Đường tỉnh 905 đoạn Km3+597 - Km4+774	Bù đá, láng nhựa mặt đường	3.611.375.565	2024-2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, GIẢI PHÁP VÀ KHỐI LƯỢNG/ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU	KINH PHÍ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (NĂM)	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	GHI CHÚ
2	Nợ công trình còn phải trả		153.831.095	2024	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
B	Công trình mới		43.889.793.340				
TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, GIẢI PHÁP VÀ KHỐI LƯỢNG/ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU	KINH PHÍ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (NĂM)	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	GHI CHÚ
1	Đường tỉnh 901. hạng mục: bảo dưỡng, sửa chữa đoạn km0+000 – km23+252; km26+562 – km36+775; km44+925 – km45+201; km48+030 – km48+724 và hệ thống thoát nước đoạn km33+157 đến km33+270	Bảo dưỡng, sửa chữa cục bộ các vị trí mặt đường bị răn nứt bằng nhựa nóng	4.177.200.472	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
2	Đường tỉnh 902. Hạng mục: hệ thống thoát nước đoạn dưới dốc cầu Mỹ An và sửa chữa taluy mố cầu Cái Tranh	Hoàn thiện hệ thống thoát nước, thảm BTN nóng mặt đường 1 đoạn hư hỏng, sửa chữa mố A cầu Cái Tranh	1.486.434.418	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
3	Đường tỉnh 904. hạng mục: bảo dưỡng, sửa chữa đoạn km0+020 - km25+021 và hệ thống nước đoạn từ km10+736 đến km11+089	Bảo dưỡng, sửa chữa cục bộ các vị trí mặt đường bị răn nứt bằng nhựa nóng	6.780.353.071	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
4	Đường tỉnh 905. Hạng mục: Bảo dưỡng, sửa chữa mặt đường đoạn Km0+783 - Km2+720; Km4+810 - Km8+559; Km12+000 - Km15+030	Bảo dưỡng, sửa chữa cục bộ các vị trí mặt đường bị răn nứt bằng nhựa nóng	1.235.235.416	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, GIẢI PHÁP VÀ KHỐI LƯỢNG/ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU	KINH PHÍ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (NĂM)	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	GHI CHÚ
5	Đường tỉnh 906. hạng mục: bảo dưỡng, sửa chữa đoạn km0+330 - km14+401; km16+560 - km16+600	Bảo dưỡng, sửa chữa cục bộ các vị trí mặt đường bị răn nứt bằng nhựa nóng	3.033.150.734	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
6	Đường tỉnh 907. hạng mục: bảo dưỡng, sửa chữa đoạn km0+000 - km11+809; km14+393 - km18+310; km35+667 - km68+191	Bảo dưỡng, sửa chữa cục bộ các vị trí mặt đường bị răn nứt bằng nhựa nóng	6.538.730.815	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
7	Đường tỉnh 909. Hạng mục: Bảo dưỡng, sửa chữa đoạn Km7+113 - Km26+060	Bảo dưỡng, sửa chữa cục bộ các vị trí mặt đường bị răn nứt bằng nhựa nóng	3.051.207.885	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
8	Đường Võ Văn Kiệt. Hạng mục: Sửa chữa tuyến nhánh đoạn nối từ đường Võ Văn Kiệt đến Quốc lộ 53 nối dài	Bảo dưỡng, sửa chữa mặt đường bằng BTN nóng	2.400.200.468	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
9	Đường 8 Tháng 3. Sửa chữa đường 8 tháng 3 đoạn từ cầu Kè đến cầu Long Thanh	Bảo dưỡng, sửa chữa mặt đường bằng BTN nóng	3.972.504.390	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
10	Đường Phạm Thái Bường. Hạng mục: Bảo dưỡng, sửa chữa mặt đường	Bảo dưỡng, sửa chữa mặt đường bằng BTN nóng, sửa chữa khe co giãn và mặt cầu Phạm Thái Bường	10.415.281.546	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
11	Đường nội ô thành phố Vĩnh Long. Sơn vạch kẻ đường	Sơn mặt đường bằng sơn dẻo nhiệt	799.494.125	2025-2026	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 2	
III	Sửa chữa đột xuất		2.100.000.000				

TT	CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, GIẢI PHÁP VÀ KHỐI LƯỢNG/ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU	KINH PHÍ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (NĂM)	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ ƯU TIÊN	GHI CHÚ
1	Đảm bảo giao thông đợt xuất ĐT.901 đợt 1	vá ổ gà bằng láng nhựa	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
2	Đảm bảo giao thông đợt xuất ĐT.907 đợt 1	vá ổ gà bằng láng nhựa	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
3	Sơn vạch kẻ đường trên ĐT.910, huyện Bình Tân	vạch kẻ sơn đường	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
4	Sửa chữa hư hỏng đợt xuất ĐT.902 đợt 1	vá ổ gà bằng láng nhựa	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
5	Đảm bảo giao thông đợt xuất Đường Võ Văn Kiệt đợt 1	vá ổ gà bằng BTN nóng	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
6	Đảm bảo giao thông đợt xuất ĐT.907 đợt 2	vá ổ gà bằng BTN nóng	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
7	Đảm bảo giao thông đợt xuất ĐT.907 đợt 3	vá ổ gà bằng BTN nóng	300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	
IV	Công tác khác		300.000.000				
1	Kiểm định các cầu trên ĐT.903		300.000.000	2025	Theo quy định hiện hành	ưu tiên 1	